

Bản án số: 237/2021/HS-PT

Ngày: 29-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước T

Ông Nguyễn X Điền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ X Ân, Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 195/2021/TLPT-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo **Bùi Minh T** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Do có kháng cáo của bị cáo và người liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2021/HS-ST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo kháng cáo:

Bùi Minh T; sinh ngày: 15/8/1976 tại Quảng Ngãi; trú tại: tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: V Nam; con ông Bùi Văn R (chết) và bà Nguyễn Thị S; vợ: Đặng Thị Bích V; con: có 02 con, sinh năm 2003 và sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 19/9/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 03 năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Ngày 15/8/2013 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 18/12/2019 đến nay, có mặt.

*** Người bào chữa:** Bà Nguyễn Thị Bích T – Luật sư Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi, bào chữa theo chỉ định của Tòa án, có mặt.

*** Bị hại:**

- Bà Võ Thị T, sinh năm: 1980.
Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
- Ông Võ Văn N, sinh năm: 1987.
Trú tại: tỉnh Quảng Ngãi.
- Ông Võ Đình Q, sinh năm: 1965.
Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
- Ông Phan Tấn L, sinh năm: 1990.
Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
- Công ty TNHH N.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nhim Vuồn P – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty cổ phần công nghệ và du lịch Thiên A.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Bà Dương Thị Cẩm N – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Công ty TNHH MTV P Hà Giang.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Huy C – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: tỉnh Hà Giang.

- Công ty TNHH Đ.

Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng.

- Ông Huỳnh T A, sinh năm: 1979, có mặt.

Trú tại: tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1988.

Trú tại: tỉnh Quảng Nam.

- Ông Lê Vũ V, sinh năm: 1978.

Trú tại: tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Vũ V là bà Phạm Thị Ngọc D – S 1982.

tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Dương Lê Vũ T, sinh năm: 1981.

Trú tại: thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Trường X, sinh năm: 1981.

Trú tại: tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Đình V, sinh năm: 1987.

Trú tại: thành phố Đà Nẵng.

- Ông Lưu Bằng G, sinh năm: 1977.

Trú tại: thành phố Đà Nẵng.

- Ông Lê Ngọc H, sinh năm: 1984.

Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Đinh Văn T, sinh năm: 1962.

Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Minh T là Giám đốc Công ty TNHH MTV Vận tải P (gọi tắt là Công ty P). Vì làm ăn thua lỗ cần tiền trả nợ và sử dụng chi tiêu cá nhân nên từ năm 2018 đến năm 2019 T đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối, thực hiện 05 vụ chiếm đoạt tài sản bằng cách thức: Chủ động hợp đồng thuê xe ô tô tự lái của các cá nhân; làm giả hợp đồng mua, bán xe ô tô; giả mạo tên chủ xe ô tô... để đem cầm cố và bán những xe ô tô này lấy tiền rồi chiếm đoạt. Ngoài ra, thông qua mạng xã hội ZALO T còn đặt mua để sử dụng một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả đem thế chấp, chiếm đoạt tài sản của người khác.

*** Lần thứ 1:** Bùi Minh T và bà Võ Thị T (sinh năm: 1980; trú tại: TP Q, tỉnh Quảng Ngãi) cư trú gần nhà nên có mối quan hệ quen biết. Ngày 24/12/2018, bà T nhờ T cùng đến nhà ông Đinh Văn T (sinh năm: 1962; trú tại: tỉnh Quảng Ngãi) xem chất lượng xe để bà T mua xe ô tô hiệu Honda Civic màu xám, 05 chỗ ngồi, biển kiểm soát 76K-9087, số máy: R18A13950371, số khung: 16258Y800383. Nghe bà T nhờ, T liền nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, T nói “*nếu xem mua được xe thì một là em sử dụng cá nhân, hai là kết hợp với các xe của công ty anh để cho thuê, ba là nếu có ai mua giá cao hơn thì bán*”. Tưởng T muốn giúp mình thật nên bà T đồng ý. Sau đó, bà T mua xe ô tô 76K-9087 của ông T với giá tiền 345.000.000đ (ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng), trả đủ tiền, nhận xe cùng các giấy tờ liên quan: Giấy đăng ký xe; Giấy chứng nhận đăng kiểm; Bảo hiểm bắt buộc và nhờ T viết giúp “Giấy bán xe” để ông T, bà T ký tên xác nhận việc mua bán nhưng chưa làm thủ tục sang tên, chuyển nhượng vì chiếc xe ô tô do ông T mua lại của ông Dương Lê Vũ T (sinh năm: 1981, trú tại: thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi mua được xe, vì không biết T đã có ý định chiếm đoạt tài sản nên bà T tin tưởng gửi xe tại Công ty P do T làm giám đốc và đưa tất cả giấy tờ liên quan của xe ô tô này cho T giữ, bà T chỉ giữ lại “Giấy bán xe”. Lấy được xe, T rao bán thì được người quen là ông Nguyễn Tùng S (sinh năm: 1976; trú tại: tỉnh Quảng Ngãi) giới thiệu bán cho ông Lê Vũ V (sinh năm: 1978; trú tại: tỉnh Quảng Ngãi) với số tiền 360.000.000đ (ba trăm sáu mươi triệu đồng). Ngày 27/12/2018 T nhận tiền đặt cọc 100.000.000 đồng và ngày 29/12/2018 T nhận đủ của ông V số tiền còn lại là 260.000.000 đồng. Ông V nhận xe, sau đó gặp trực tiếp vợ chồng ông T để làm “Hợp đồng mua bán xe”, sang tên chủ sở hữu cho ông V, làm thủ tục cấp đổi thành BKS 76A-091.01. Sau khi T bán xe, bà T tìm gặp và nhiều lần điện thoại hỏi xe thì T nói dối là đang cho một người làm tại “Ngân

hàng X D thuê” và đưa bà T số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), T nói đây là tiền thu được từ việc giúp bà T cho thuê xe, nhằm mục đích che giấu hành vi phạm tội. (BL 407, 474, 455)

Bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐTSTTHS ngày 09/10/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự Tp.Quảng Ngãi xác định: 01 (một) xe ô tô biển số 76A-091.01, nhãn hiệu HONDA, số loại CIVIC, màu sơn: Xám bạc, sản xuất tại V Nam năm 2008, *trị giá 310.000.000 đồng*.(BL 130-131)

Như vậy, Bùi Minh T đã lừa đảo chiếm đoạt của bà Võ Thị T chiếc xe ô tô trị giá **310.000.000đ** (ba trăm mười triệu đồng).

*** Lần thứ 2:** Vào khoảng tháng 10, 11/2018 Võ Văn N (sinh năm: 1987; trú tại: tỉnh Quảng Ngãi) đưa xe ô tô Toyota Innova màu xám bạc, 08 chỗ, BKS 76A-066.73, số máy: 1TR6588699, số khung: 41G989003987 đến gara ô tô của Bùi Minh T để sửa chữa nên quen biết nhau. Sau đó, T liên hệ thuê xe ô tô trên của N vào ngày 24/4/2019. T đại diện Công ty P chuẩn bị sẵn hợp đồng thuê xe ô tô của ông Võ Văn N trong thời hạn 02 tháng từ ngày 24/4/2019 đến ngày 23/6/2019, với giá tiền 12.000.000đ/1tháng, nhận xe và các giấy tờ xe gồm: chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc, giấy chứng nhận kiểm định.

Ngày 30/5/2019, T bán xe ô tô trên cho ông Nguyễn Tấn T (sinh năm 1988; trú tại: tỉnh Quảng Nam) với giá tiền 168.000.000đ (một trăm sáu mươi tám triệu đồng). Tưởng T là chủ xe nên ông T đồng ý mua xe và nhận các giấy tờ liên quan của xe. Mua được xe, ông T bán lại cho ông Nguyễn Trường X (sinh năm: 1981; trú tại: tỉnh Quảng Nam) với giá tiền 205.000.000đ (hai trăm lẻ năm triệu đồng) rồi yêu cầu T cùng đến Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam làm thủ tục chứng thực việc mua bán xe cho ông X. Tại đây T giả tên Võ Văn N lập “Giấy bán, cho, tặng xe”, “Giấy khai sang tên, di chuyển” được UBND xã Q chứng thực. Ông X gửi giấy tờ mua bán xe vào tỉnh Quảng Ngãi cho ông Lê Ngọc A (sinh năm: 1991; trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) để nhờ người quen là bà Trần Thị Nguyệt D (sinh năm: 1961; trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) nộp, rút hồ sơ đăng ký xe tại Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Quảng Ngãi rồi đem bán lại xe cho ông Nguyễn Đình V (sinh năm: 1987; trú tại: Thành phố Đà Nẵng) với giá tiền 208.000.000đ (hai trăm lẻ tám triệu đồng). Ông V tiếp tục bán lại xe ô tô này cho ông Lưu Bằng G (sinh năm: 1977; trú tại: thành phố Đà Nẵng) với giá tiền 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng). Ông X trực tiếp làm thủ tục sang tên, chuyển nhượng xe ô tô này cho ông G và được Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp đổi thành BKS 43A-461.08. Đến ngày

25/6/2019, quá thời hạn hợp đồng thuê xe, ông N tìm gặp hỏi thì T nói dối là xe đang cho người khác thuê, T đề nghị ông N cho gia hạn thêm thời gian thuê xe. Tưởng T nói thật nên ông N đồng ý ký hợp đồng cho T thuê xe ô tô BKS 76A-066.73 thêm 01 tháng (từ ngày 25/6/2019 đến ngày 25/7/2019).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 15/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh trong tổ tụng hình sự xác định: chiếc xe ô tô BKS 43A-461.08 (biển số cũ 76A-066.73) trị giá 185.600.000 đồng. (BL 126)

Như vậy, Bùi Minh T đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 02 người gồm: ông Võ Văn N 01 xe ô tô trị giá **185.600.000đ** (một trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm ngàn đồng); ông Nguyễn Tấn T số tiền **168.000.000đ** (một trăm sáu mươi tám triệu đồng).

* **Lần thứ 3:** Xe ô tô nhãn hiệu Volkswagen Polo, màu trắng, 05 chỗ ngồi BKS 51G-449.30; số máy: CLS391147; số khung: WVVZZZ60ZFT085295 do Công ty TNHH N (do ông Nhim Vuồn P làm tổng giám đốc), trụ sở: thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên sở hữu, giấy chứng nhận đăng ký xe thế chấp tại Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V) – Phòng giao dịch thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05/10/2018, Công ty R ký “Hợp đồng hợp tác” cho Công ty TNHH MTV P Hà Giang (gọi tắt là Công ty P Hà Giang; địa chỉ: tỉnh Hà Giang) thuê xe ô tô này trong thời hạn 07 năm (từ ngày 05/10/2018 đến ngày 05/10/2025) với giá tiền 9.003.000đ/tháng, thỏa thuận đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi đặt cọc tiền và nhận xe thì Công ty P Hà Giang chỉ thanh toán tiền thuê xe tháng 11/2018 và tháng 12/2018 với tổng số tiền 18.006.000đồng và đem xe đến ký gửi tại Công ty TNHH Đ (gọi tắt là Công ty Đ; địa chỉ: thành phố Đà Nẵng). Từ tháng 01/2019 đến nay Công ty P Hà Giang không trả tiền thuê xe cho Công ty R. Nhận xe ký gửi, Công ty Đ tiến hành ký hợp đồng cho ông Huỳnh T A (sinh năm: 1979; trú tại: tỉnh Quảng Ngãi) thuê lại trong thời hạn 05 năm (từ ngày 10/11/2018 đến ngày 10/11/2023).

Ngày 29/4/2019, ông T A ký hợp đồng cho Bùi Minh T thuê lại xe ô tô BKS 51G-449.30, thời hạn 02 tháng (từ ngày 01/5/2019 đến ngày 30/6/2019) với giá tiền 12.000.000đ/tháng. Ngày 01/5/2019, T nhận xe cùng các giấy tờ liên quan đến xe (giấy chứng nhận kiểm định, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô, bản photo giấy biên nhận thế chấp của VPBank) và trả tiền thuê xe 24.000.000đồng cho ông T A.

Trước đó, T nhiều lần mượn tiền của ông Lê Ngọc H (sinh năm: 1984; trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi), ngày 12/4/2019 T có viết giấy mượn ông H số tiền 168.000.000đồng nhưng không còn khả năng trả nợ nên ngày

27/6/2019 T đem xe ô tô BKS 51G-449.30 cầm cố cho ông H rồi nói dối với ông T A là xe đang cho thuê chạy dịch vụ, cần gia hạn thời gian thuê xe thêm 01 tháng. Tưởng thật nên ông T A đồng ý và T đã trả cho ông T A thêm 12.000.000đồng tiền gia hạn thuê xe. Đến tháng 8/2019, quá thời hạn nhưng không thấy T trả xe nên ông T A nhiều lần điện thoại hỏi thì T trả lời là “đang đi chữa bệnh tại Đà Nẵng”, “đang đi lo việc riêng tại thành phố Hồ Chí Minh”... nhằm kéo dài thời gian, che giấu hành vi phạm tội. (BL1022, 1032)

Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 03/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh trong tố tụng hình sự xác định: chiếc xe ô tô biển kiểm soát 51G – 449.30 trị giá là 364.030.000 đồng. (BL 119-120)

* **Lần thứ 4:** Ngày 01/8/2018, Bùi Minh T đại diện Công ty P hợp đồng thuê xe ô tô Toyota Innova, màu trắng, 08 chỗ ngồi, BKS 76A-058.19; số máy: 1TRA211567; số khung: RL4JW8EM4G3223942 và xe ô tô BKS 76A-058.38 của Công ty cổ phần Công nghệ và Du lịch Thiên A (do bà Dương Thị Cẩm Nhung làm giám đốc), trụ sở: 63A Chu Văn An, thành phố Q), thời hạn thuê xe từ ngày 01/8/2018 đến ngày 31/12/2018 với giá tiền 15.000.000đ/tháng/xe. Cũng trong thời gian này T đặt vấn đề muốn mua lại 02 xe ô tô đang thuê với giá tiền 605.000.000đ/xe, Công ty Thiên A đồng ý nên T đặt cọc số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Đến ngày 14/01/2019, quá thời hạn hợp đồng nhưng T không trả đủ tiền mua xe như thỏa thuận, không trả tiền thuê xe và cũng không trả xe cho Công ty Thiên A mà làm giả “Hợp đồng mua bán” với nội dung Công ty Thiên A đã chuyển nhượng xe ô tô BKS 76A-058.19 cho Công ty P, kèm bản gốc “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp” của Công ty P và xe ô tô này đem cầm cố cho ông Võ Đình Q (sinh năm: 1965; trú tại: thành phố Q). T nói với ông Q là xe ô tô này Công ty Thiên A đã bán cho công ty của T, chưa sang tên nhưng đã có hợp đồng mua bán, do cần tiền đầu tư kinh doanh nên cầm cố. Tưởng T nói thật nên ông Q đồng ý nhận cầm cố xe, đưa cho T số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Ngày 16/01/2019, T tiếp tục đến yêu cầu ông Q mượn thêm 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền cầm xe và được ông Q đồng ý đưa thêm số tiền này cho T.

Đến ngày 24/4/2019, thấy T vẫn chưa trả tiền mua xe, thuê xe và cũng không trả xe nên Công ty Thiên A tìm gặp hỏi thì được T viết “Giấy hẹn trả nợ”, cam kết sẽ trả đủ tiền cho Công ty Thiên A “trước 16h ngày 26/04/2019” nếu T không thực hiện thì Công ty Thiên A được quyền “truy thu toàn bộ số tiền thuê xe...”, T chấp nhận “mất toàn bộ số tiền đặt cọc 02 chiếc xe” và Công ty thiên A “được quyền thu hồi lại 02 chiếc xe trên”. Do Công ty Thiên

A nhiều lần đòi xe, đòi tiền và đã viết cam kết như vậy nên T đến gặp và nói dối ông Q mượn lại xe ô tô 76A-058.19 để đi lo việc cá nhân, tin lời nên ông Q đồng ý. Nhận lại xe ô tô 76A-058.19, T đem trả cho Công ty Thiên A và bị công ty này cản trừ số tiền đã đặt cọc mua xe vào tiền đã cho T thuê xe. Sau khi T trả xe cho Công ty Thiên A, ông Q gặp hỏi thì T nói dối là xe bị hư hỏng đang sửa chữa.

Ngày 31/7/2019, Bùi Minh T đại diện Công ty P hợp đồng thuê xe ô tô Toyota innova, màu bạc, 08 chỗ ngồi, BKS 76A-077.32; số máy: 1TR7055893; số khung: 43G8B9303198 của ông Phan Tấn L (sinh năm: 1990, trú tại: thành phố Q) trong thời hạn 04 ngày (từ ngày 31/7/2019 đến ngày 03/8/2019) với giá tiền 800.000đ/1ngày. Thuê được xe, T làm giả “Hợp đồng mua bán xe ô tô” với nội dung ông L đã bán xe ô tô BKS 76A-077.32 cho Công ty P, đồng thời soạn sẵn 01 “Hợp đồng mua bán xe ô tô” kèm theo 01 “Hóa đơn giá trị gia tăng” số 0000041; mẫu số: 01GTKT3/001; ký hiệu: AA/19P nội dung thể hiện T đại diện Công ty P bán xe ô tô này cho ông Võ Đình Q. T đến nhà gặp, nói đây là xe của T đã mua, cần tiền trả nợ ngân hàng nên muốn bán lại cho ông Q. Tuy nhiên, Ông Q không đồng ý mua xe nên không ký hợp đồng. Không bán được xe nên T đề nghị Q cho cầm cố xe ô tô này kèm theo các hợp đồng và hóa đơn trên để làm tin. Không biết “Hợp đồng mua bán xe ô tô” là giả nên ông Q đồng ý nhận cầm cố xe và các giấy tờ này, đưa cho T số tiền 150.000.000đồng.

Hết thời hạn hợp đồng thuê xe 76A-077.32, không thấy T trả tiền thuê xe, trả xe và không liên lạc được nên ông L dò tín hiệu định vị thì phát hiện xe ô tô này đã bị T cầm cố để tại nhà ông Q. Hiện nay ông Q đã trả lại xe ô tô này cho ông L.

Sau khi chiếm đoạt được tiền của ông Q, Bùi Minh T đã sử dụng chính nguồn tiền này để trả lãi cho ông Q 65.000.000đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 03/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh trong tổ tụng hình sự xác định: Giá trị 01 (một) xe ô tô BKS 76A-077.32 là 310.234.000 đồng. (BL119-120)

Như vậy, Bùi Minh T đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Phan Tấn L 01 xe ô tô trị giá **310.234.000đồng** và ông Võ Đình Q số tiền **550.000.000đồng**.

* **Lần thứ 5:** Ngày 30/5/2019, Bùi Minh T sử dụng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả (gọi tắt là sổ hồng giả) mà T đã đặt làm qua mạng xã hội ZALO từ trước; 01 bản photo Chứng minh nhân dân và 01 bản photo Sổ hộ khẩu của T đến nhà ông Võ Đình Q (người bị hại trong vụ thứ 4). T nói đây là sổ hồng vị trí nhà, đất

của T đang ở và làm trụ sở Công ty P tại thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vì cần tiền để đầu tư kinh doanh nên mang đến thế chấp cho ông Q. Tưởng sổ hồng đó là thật đúng như lời T nói nên ông Q đồng ý cho T thế chấp với giá tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Nhận được tiền, T viết đưa cho ông Q giữ một “Giấy mượn tiền” nội dung thể hiện việc T đã thế chấp sổ hồng này.

Kết luận giám định số 772/KLGD-PC09, ngày 18/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, xác định: (BL 106-107)

- Hình dấu tròn có nội dung: “Ủy ban nhân dân thành phố Q” trên tài liệu cần giám định với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh *có đặc điểm chung và đặc điểm riêng tương ứng khác nhau; đủ cơ sở khoa học kết luận khẳng định truy nguyên không đồng nhất.*

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BG219467, đứng tên Bùi Minh T, địa chỉ thường trú: phường Chánh Lộ, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi *là không phải do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp.*

Kết luận giám định số 844/KLGD-PC09, ngày 12/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, xác định: (BL 102-103)

- Chữ viết, chữ số ở mặt trước “giấy Mượn Tiền”, đề ngày 30/5/2019, ký tên Bùi Minh T *là do Bùi Minh T viết ra.*

- Chữ ký “Bùi Minh T” dưới mục Quảng Ngãi 30/5/2019 ở mặt trước “giấy Mượn Tiền”, đề ngày 30/5/2019 *là do Bùi Minh T ký ra.*

Như vậy, Bùi Minh T đã sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức chiếm đoạt của ông Võ Đình Q số tiền **100.000.000đ** (một trăm triệu đồng).

Quá trình điều tra, CQĐT xác minh tại Chi cục thuế khu vực Quảng Ngãi – Sơn Tịnh, xác định:

Công ty TNHH Một T Viên Vận tải P không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế và còn nợ tiền thuế tính đến ngày 30/4/2020 là 49.515.695đ (*bốn mươi chín triệu năm trăm mười lăm ngàn sáu trăm chín mươi lăm đồng*).

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000041 lập ngày 01/7/2019, mẫu 01GTKT3/001, ký hiệu AA/19P mà Công ty TNHH Một T Viên Vận tải P xuất cho ông Võ Đình Q có nội dung được xác định *không có thực toàn bộ* (vì xe ô tô BKS 76A-077.32 không phải của công ty), *đây là hành vi vi phạm sử dụng bất hợp pháp hóa đơn* (quy định tại Khoản 5 Điều 38 Nghị định 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013).

* Tại bản Cáo trạng số 1565/CT-VKS ngày 05/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo: Bùi Minh T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2021/HS-ST ngày 05/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Bùi Minh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Minh T 12 (mười hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Minh T 02 (hai) năm tù về tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Bùi Minh T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 18/12/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/01/2021, bị cáo Bùi Minh T nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/01/2021, người liên quan ông Huỳnh T A nộp đơn kháng cáo đề nghị được nhận xe để khai thác cho đến khi hết hạn hợp đồng đã ký với Công ty TNHH Đ hoặc Công ty TNHH Đ trả lại số tiền thuê xe những năm còn lại và số tiền đặt cọc xe khi ông không còn được sử dụng xe.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo rút đơn kháng cáo.

Người liên quan ông Huỳnh T A giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Bùi Minh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu đề nghị đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Bùi Minh T. Đối với kháng

cáo của ông Huỳnh T A, cho rằng xe ô tô BKS 51G–449.30 do Công ty TNHH N đứng tên sở hữu nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trả lại cho Công ty TNHH N là phù hợp, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Bùi Minh T rút đơn kháng cáo. Xét việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Bùi Minh T.

[2] Xét kháng cáo của người liên quan ông Huỳnh T A: Theo lời khai của ông Nguyễn Văn V và ông Nguyễn Phùng H, nguyên Giám đốc Công ty P Hà Giang (bút lục 665, 670) thể hiện: Về hình thức, Công ty P Hà Giang ký Hợp đồng hợp tác số 3118 ngày 05/10/2018 với Công ty TNHH N để thuê 10 xe ô tô do Công ty TNHH N đứng tên sở hữu, trong thời hạn 07 năm (từ ngày 05/10/2018 đến ngày 05/10/2025). Trong thực tế, Công ty P Hà Giang cùng với Công ty Đ đặt cọc cho Công ty TNHH N 500.000.000đ để thuê 10 xe ô tô của Công ty TNHH N; Công ty P Hà Giang đặt cọc 200.000.000đ/4 xe, Công ty Đ đặt cọc 300.000.000đ/6 xe, trong đó có xe ô tô nhãn hiệu Volkswagen Polo, BKS 51G–449.30. Theo qui định tại Điều 4.2.5 của Hợp đồng hợp tác số 3118, Công ty P Hà Giang được quyền cho thuê lại xe. Ông Huỳnh T A là người thuê lại xe theo hợp đồng ký ngày 28/11/2018 với Công ty Đ (đơn vị hợp tác với Công ty P Hà Giang), thời hạn thuê 05 năm; giá thuê: 100.000.000đ/05 năm, tiền cọc xe: 65.000.000đ/05 năm. Như vậy, việc chiếm hữu, sử dụng xe của ông Huỳnh T A thông qua hợp đồng thuê xe là hợp pháp theo qui định tại Điều 188 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông Huỳnh T A là người quản lý hợp pháp đối với xe BKS 51G–449.30, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trả lại xe cho Công ty TNHH N là không phù hợp với qui định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, kháng cáo của ông Huỳnh T A yêu cầu trả lại xe là có căn cứ chấp nhận. Tranh chấp giữa Công ty TNHH N với Công ty P Hà Giang và các bên liên quan đối với xe BKS 51G–449.30 có thể giải quyết ở một vụ kiện dân sự nếu có yêu cầu.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 348, điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Bùi Minh T;

Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh T A;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2021/HS-ST ngày 05/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về phần xử lý vật chứng.

1. Về phần xử lý vật chứng:

Trả lại cho ông Huỳnh T A 01 (một) xe ô tô con nhãn hiệu Volkswagen, BKS 51G-449.30; 01 (một) chìa khóa xe ô tô.

2. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự